

Mẫu số 04/QĐ-CKNS

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN KHÁNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 497/QĐ-UB

Tân Khánh, ngày 22 tháng 07 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN KHÁNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN KHÁNH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Phú Bình về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/07/2022 của Hội đồng nhân dân xã Tân Khánh về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2021;*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của UBND xã Tân Khánh (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: Văn phòng UBND, Ban Tài chính.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

**Chủ tịch**



**Nguyễn Anh Võ**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc  
.....

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI  
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH  
NĂM 2021**

Tân Khánh, Năm 2022



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN KHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /TB-UBND

Tân Khánh, ngày 22 tháng 7 năm 2022

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc công khai quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Phú Bình V/v giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

UBND xã Tân Khánh thông báo công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021 (*Kèm theo biểu số liệu, thuyết minh*);

Thời gian niêm yết công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021 là 30 ngày kể từ hồi 7 giờ 00 phút ngày 22 tháng 07 năm 2022 đến 7 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2022. (kể cả ngày thứ 7, chủ nhật)

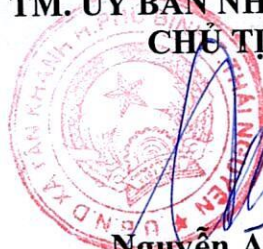
Địa điểm, hình thức công khai: Niêm yết tại Trụ sở UBND xã, Trang thông tin điện tử của xã, Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

UBND xã Tân Khánh thông báo để các ngành đoàn thể, cơ quan đơn vị liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH;
- Đảng ủy- HĐND xã;
- Các ngành đoàn thể;
- Lưu: VP;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Võ**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tân Khánh, ngày 22 tháng 07 năm 2022*

**THUYẾT MINH**

**Số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2021 xã Tân Khánh**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính Quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 6486/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Phú Bình về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05/01/2021 của HĐND xã khóa XIX về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã năm 2021.*

*UBND xã Tân Khánh thuyết minh số liệu công khai quyết toán Thu – Chi ngân sách năm 2021, như sau:*

**I. Về công khai số liệu quyết toán Thu - chi ngân sách năm 2021:**

Theo các biểu số 116/CKTC-NSNN; 117/CKTC-NSNN; 118/CKTC-NSNN. 119/CKTC-NSNN; 120/CKTC-NSNN.

**II. Về thuyết minh số liệu quyết toán Thu – Chi ngân sách năm 2021, cụ thể như sau:**

**Tổng thu ngân sách: 7.852.525.861đ**

Trong đó: + Thu kết dư năm trước chuyển sang: 300.226.167 đ

+ Thu ngân sách cấp trên cấp: 7.295.000.000 đ

(Trong đó: tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất: 827.189.000)

+ Thu cân đối ngân sách: 257.299.694đ

*(Chi tiết các khoản thu theo biểu số 117/CKTC-NSNN đính kèm)*

**2. Chi ngân sách:**

**Tổng chi ngân sách: 7.803.191.495đ.**

Trong đó: + Chi thường xuyên: 6.921.236.495đ

+ Chi xây dựng cơ bản: 827.189.000đ.

+ Nộp trả ngân sách cấp trên: 54.766.000đ

*(Chi tiết các khoản chi theo biểu số 118,119/CKTC-NSNN đính kèm)*

**3. Tồn quỹ ngân sách (kết dư): 49.334.366đ**

Trong đó: + Dư tiền chi thường xuyên: 49.334.366đ

**4.Đánh giá chung kết quả thực hiện thu chi ngân sách xã năm 2021:**

Năm 2021, UBND xã Tân Khánh triển khai thực hiện dự toán ngân sách trong bối cảnh nền kinh tế hết sức khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh



Covid – 19; hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn bị ngừng trệ, sức mua của thị trường giảm do thực hiện việc giãn cách xã hội. Song, do có sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền địa phương từ xã đến cơ sở, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chuyên môn, các ban ngành đoàn thể trong công tác tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách.

Tích cực khai thác tốt mọi nguồn thu trên địa bàn, tập trung tháo gỡ khó khăn cho các hộ sản xuất kinh doanh trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

Tuy nhiên đối với một số chỉ tiêu thu còn đạt thấp, đặc biệt ở các chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn như thu ngoài quốc doanh, thu lệ phí trước bạ... Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các hộ kinh doanh ngành ăn uống, dịch vụ vận tải, nhà hàng đã tạm ngừng hoạt động trong thời gian dài, doanh thu giảm mạnh, ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách chưa đạt cao so với kế hoạch đề ra.

Về chi ngân sách: Cơ bản đã bám sát dự toán được giao, đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên của địa phương cũng như một số nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội phát sinh trong năm mà dự toán đầu năm chưa giao như: Bầu cử quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên diện rộng, dịch bệnh dịch tả lợn Châu phi còn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại, Đại hội chữ thập đỏ, Đại hội người cao tuổi, Đại hội hội phụ nữ, Đại hội hội khuyến học cùng nhiều hoạt động lớn khác của xã..... Trong khi định mức chi thường xuyên thấp, nguồn thu ngân sách khó khăn. Do đó ảnh hưởng rất lớn đến điều hành chi ngân sách.

Trên đây là thuyết minh số liệu quyết toán Thu – Chi ngân sách năm 2021 của UBND xã Tân Khánh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Võ**

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>7.852.525.861</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>7.803.191.495</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	132.595.000	I. Chi đầu tư phát triển	827.189.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	124.704.694	II. Chi thường xuyên	6.976.002.495
III. Thu bổ sung	7.295.000.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối	5.552.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	1.743.000.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	300.226.167	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	-		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>49.334.366</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
	<b>TỔNG THU</b>		<b>7.559.000.000</b>	<b>0</b>	<b>7.852.525.861</b>		<b>103,88</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>		<b>89.000.000</b>		<b>132.595.000</b>		<b>148,98</b>	
	Phí, lệ phí		44.000.000		36.705.000		83,42	
	Thu kết dư ngân sách năm trước							
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân							
	Thu phạt và tịch thu khác theo qui định							
	Thu khác		45.000.000		95.890.000		213,09	
	Thu từ bán và thanh lý tài sản khác				0			
	Thu hồi các khoản chi năm trước				0			
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>		<b>175.000.000</b>	<b>0</b>	<b>124.704.694</b>		<b>71,26</b>	
I	Các khoản thu phân chia		35.000.000	0	33.394.258		95,41	
	- Thuế tài nguyên ( khoáng sản phi kim loại)							
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		1.000.000		2.407.500		2,41	
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình							
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		19.000.000		19.700.000		103,68	
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		15.000.000		11.286.758		75,25	



2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		140.000.000		91.310.436		65,22
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				300.226.167		100
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		7.295.000.000	0	7.295.000.000		100
	- Thu bổ sung cân đối		5.552.000.000		5.552.000.000		100
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1.743.000.000		1.743.000.000		100



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	7.804.460.167	827.189.000	6.977.271.167	7.803.191.495	827.189.000	6.976.002.495	99,98%	100%	99,98%
	Trong đó									
1	Chi dân quân tự vệ, ANTT	1.017.758.000		1.017.758.000	1.016.508.650		1.016.508.650	99,88%		99,88%
1.1	Chi dân quân tự vệ	557.758.000		557.758.000	557.588.050		557.588.050	99,97%		99,93%
1.2	Chi trật tự an toàn xã hội	460.000.000		460.000.000	458.920.600		458.920.600	99,77%		99,36%
2	Chi giáo dục	210.000.000	210.000.000		210.000.000	210.000.000	0			
3	Chi y tế	129.928.000		129.928.000	129.928.000		129.928.000	100,00%		100%
4	Chi văn hóa, thông tin	22.000.000		22.000.000	0					
5	Chi thể dục thể thao	25.000.000		25.000.000	0					
6	Chi Nông - Lâm - Thủy lợi	0		0	0		0	0,00%		0%
7	Chi các hoạt động kinh tế				0					
7.1	Giao thông				0					
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.399.774.167	617.189.000	5.782.585.167	6.446.754.845	617.189.000	5.829.565.845	91,09%		91,09%



8.1	Quản lý nhà nước	3.600.680.717	617.189.000	2.983.491.717	3.622.488.845	617.189.000	3.005.299.845	83,46%	83,46%
8.2	Hội đồng nhân dân	699.093.450		699.093.450	699.093.450		699.093.450	100,00%	100%
8.3	Đảng cộng sản Việt Nam	869.965.800		869.965.800	863.346.850		863.346.850	99,24%	99,2%
8.4	Đoàn thanh niên Cộng sản HCM	110.219.000		110.219.000	110.219.000		110.219.000	100,00%	100%
8.5	Hội liên hiệp phụ nữ	131.034.150		131.034.150	131.034.150		131.034.150	100,00%	100%
8.6	Hội cựu chiến binh	97.227.950		97.227.950	97.227.950		97.227.950	100,00%	100%
8.7	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	537.732.800		537.732.800	514.758.300		514.758.300	95,73%	95,73%
8.8	Hội nông dân	143.786.100		143.786.100	143.786.100		143.786.100	100,00%	100%
9	Chi cho công tác xã hội	120.034.200		120.034.200	120.034.200		120.034.200	100,00%	100%
10	Chi khác								
11	Dự phòng	90.000.000		90.000.000	90.000.000		90.000.000	100,00%	100%
12	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				54.766.000		54.766.000	100%	100%



## QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Tên công trình	Năm XD	Dự toán	Quyết toán	Thành toán đến hết năm 2020	Thành toán năm 2021	Chia nguồn						Lấy kế thành toán đến hết 31/12/2021	
							Nguồn vốn 135			Nguồn tiền đất				Nguồn khác
							TW	Tỉnh	huyện	Nguồn tiền đất huyện	Nguồn tiền đất xã			
I	Công trình xây mới		20.200.372.489	-	-	210.000.000	-	-	-	-	210.000.000	-	210.000.000	
	Nhà lớp học 3 tầng 8 phòng học và các phòng hành chính quản trị trường Mầm non Tân Khánh	2021	9.900.000.000			150.000.000					150.000.000		150.000.000	
	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học trường THCS Tân Khánh	2021	10.300.372.489			60.000.000					60.000.000		60.000.000	
II	Công trình chuyển tiếp		4.979.469.834	-	1.256.314.000	617.189.000	-	-	-	-	617.189.000	-	1.873.503.000	
	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Tân Khánh													
		2021	2.935.633.000			500.000.000					500.000.000		500.000.000	
	Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Khánh: Hàng mục: sân, công, hàng rào	2020	1.120.150.087		500.000.000	100.000.000					100.000.000		600.000.000	
	Cải tạo sửa chữa nhà hội trường UBND xã Tân Khánh	2020	923.686.747		756.314.000	17.189.000					17.189.000		773.503.000	
	<b>Tổng</b>		<b>25.179.842.323</b>	<b>-</b>	<b>1.256.314.000</b>	<b>827.189.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>827.189.000</b>	<b>-</b>	<b>2.083.503.000</b>	



**THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI CHÍNH KHÁC NĂM 2021**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			CHÊNH LỆCH (+) (-)
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	
<b>TỔNG SỐ</b>							
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	Không có số liệu phát sinh						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi  
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi